

Số: /2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động Thủy sản

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động thủy sản.

2. Hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Vi phạm các quy định về bảo tồn, bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản;

b) Vi phạm các quy định về quản lý giống thủy sản;

c) Vi phạm các quy định về nuôi trồng thủy sản;

d) Vi phạm các quy định về thức ăn thủy sản;

đ) Vi phạm quy định về sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản;

e) Vi phạm các quy định về khai thác thủy sản;

g) Vi phạm các quy định về tàu cá và thuyền viên tàu cá;

h) Vi phạm các quy định về thu gom, sơ chế, bảo quản, lưu giữ, vận chuyển, chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản;

i) Vi phạm các quy định về ngành nghề dịch vụ thủy sản;

k) Cản trở hoạt động quản lý nhà nước về thủy sản.

3. Các vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính liên quan đến hoạt động thủy sản trong phạm vi lãnh thổ, vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động khai thác thủy sản ở ngoài vùng biển Việt Nam.

2. Tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này gồm:

a) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp doanh;

b) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư gồm: Nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

d) Các đơn vị sự nghiệp;

đ) Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này là các đối tượng không thuộc quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản là một năm, trừ các trường hợp vi phạm hành chính về sản xuất, mua bán, nhập khẩu, xuất khẩu giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản; bảo vệ nguồn lợi thủy sản; khai thác thủy sản thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 (hai) năm.

2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại điểm b, c, d Khoản 1 Điều 6 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản, tổ chức, cá nhân phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền.

2. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thu hồi giấy phép;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống thủy sản, chế phẩm sinh học, vi sinh vật cấm sử dụng trong sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; sử dụng giống thủy sản nằm ngoài Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nuôi trồng thủy sản; bảo vệ nguồn lợi thủy sản; khai thác thủy sản.

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này được áp dụng như sau:

- a) Buộc thả số thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng;
- b) Chuyển giao số thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng bị thương cho cơ sở cứu hộ để chữa trị, phục hồi và thả về môi trường sống khi đủ điều kiện hoặc chuyển giao các cá thể bị chết hoặc dẫn xuất của chúng cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;
- c) Buộc tháo dỡ, di chuyển lồng, bè nuôi trồng thủy sản;
- d) Buộc tháo dỡ hoặc di chuyển các mốc phân định ranh giới để trả lại mặt nước biển sử dụng vượt quá hạn mức;
- đ) Buộc chủ tàu cá hoặc thuyền trưởng chi trả kinh phí đưa công dân Việt Nam bị cơ quan có thẩm quyền nước ngoài bắt giữ về nước;
- e) Buộc tàu cá và thuyền viên nước ngoài rời khỏi lãnh thổ Việt Nam;
- g) Buộc tháo dỡ tàu cá thuộc diện cấm phát triển; tàu cá được đóng mới, cải hoán không có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền;
- h) Buộc khôi phục tình trạng hoạt động của thiết bị giám sát tàu cá;
- i) Buộc xóa biển số, số đăng ký tàu cá giả;
- k) Buộc tiếp tục nuôi thủy sản đến khi kết quả kiểm nghiệm dư lượng hóa chất, kháng sinh dưới mức giới hạn tối đa cho phép;
- l) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng giống thủy sản; sản phẩm thủy sản; thức ăn thủy sản không đạt chất lượng theo tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;
- m) Buộc tái chế thức ăn thủy sản, chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản không bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;
- n) Buộc khảo nghiệm lại giống thủy sản, thức ăn thủy sản, chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản thực hiện không đúng nội dung, trình tự khảo nghiệm;
- o) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy thức ăn thủy sản, chế phẩm sinh học, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản là hàng giả, hàng cấm;
- u) Buộc thu hồi các loại giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa nội dung, sử dụng giấy tờ giả.

Điều 5. Quy định về mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền trong hoạt động thủy sản; Nguyên tắc xác định mức vi phạm về chất lượng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản

1. Mức phạt tiền tối đa cho một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống thủy sản đối với cá nhân vi phạm là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức vi phạm là 100.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền tối đa cho một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản và bảo vệ nguồn lợi nguồn lợi thủy hải sản đối với cá nhân vi phạm là 100.000.000 đồng, đối với tổ chức vi phạm là 200.000.000 đồng.

3. Mức phạt tiền tối đa cho một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác thủy hải sản đối với cá nhân vi phạm là 1.000.000.000 đồng, đối với tổ chức vi phạm là 2.000.000.000 đồng.

4. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này là mức tiền được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm, mức tiền phạt gấp hai lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

5. Thẩm quyền xử phạt tiền của các chức danh quy định tại Chương III của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm của cá nhân. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

6. Mức vi phạt về chất lượng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản quy định tại Nghị định này được xác định bằng kết quả phân tích đã được tính giao động cho phép trong kiểm tra chất lượng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1

VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Điều 6. Vi phạm các quy định về đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản hoặc quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Điều 7. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản

1. Mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không dành hành lang cho loài thủy sản di chuyển khi khai thác thủy sản bằng nghề cố định ở các sông, hồ, đầm, phá.

2. Mức phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi hủy hoại nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái thủy sinh, khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống, nơi cư trú của các loài thủy sản.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi phá hủy, cản trở trái phép đường di chuyển tự nhiên của các loài thủy sản.

4. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi lấn chiếm, gây hại cho khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

5. Phạt tiền từ 150.000.000đ đến 200.000.000 đồng đối với hành vi thăm dò, khai thác tài nguyên, xây dựng, phá bỏ công trình dưới mặt nước, lòng đất dưới nước làm suy giảm hoặc mất đi nguồn lợi thủy sản hoặc gây tổn hại đến môi trường sống, khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống, đường di cư của loài thủy sản.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại Khoản 1, 4 và Khoản 5 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về bảo vệ các loài thủy sản

1. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về thời gian cấm, khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn, nghề cấm khai thác thủy sản như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về thời gian cấm, khu vực cấm khai thác có thời hạn, nghề cấm khai thác thủy sản mà không sử dụng tàu cá.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng việc điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác; cung cấp, khai thác thông tin, sử dụng thông tin, dữ liệu về nguồn lợi thủy sản trái quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu công cụ khai thác thủy sản (trừ tàu cá) đối với trường hợp vi phạm nghề cấm khai thác, khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thả số thủy sản còn sống trở lại môi trường sống của chúng đối; chuyển giao số thủy sản đã chết cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý đối với hành vi quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về quản lý các loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm

1. Mức phạt đối với hành vi khai thác, mua, bán, thu gom, nuôi, lưu giữ, sơ chế, chế biến, vận chuyển trái phép các loài thủy sản thuộc nhóm II của Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm hoặc các loài thủy sản thuộc Phụ lục II Công ước CITES như sau:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản dưới 10 kg;

b) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 10 kg đến dưới 20 kg;

c) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 20 kg đến dưới 30 kg;

d) Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 30 kg trở lên.

2. Mức phạt đối với hành vi khai thác, mua bán, thu gom, nuôi, lưu giữ, sơ chế, chế biến, vận chuyển trái phép các loài thủy sản thuộc nhóm II của Danh mục loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm hoặc các loài thủy sản quy định tại Phụ lục I Công ước CITES như sau:

a) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản dưới 10 kg;

b) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 10 kg đến dưới 20 kg;

c) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 20 kg đến dưới 30 kg;

d) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 30 kg trở lên.

3. Phạt tiền 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không thả đúng và đủ số lượng cá thể sản xuất được vào vùng nước tự nhiên phù hợp theo tỉ lệ và thời gian quy định khi được cấp phép khai thác các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm để nghiên cứu tạo giống ban đầu và sản xuất.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không có đánh giá tác động không gây ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của loài đó trong tự nhiên trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường khi thực hiện các hoạt động, dự án đầu tư có nguy cơ ảnh hưởng đến nơi cư trú, đường di chuyển, nơi kiếm ăn, khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống của loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy trình bàn giao loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm bị khai thác không chủ ý trong các hoạt động khai thác thủy sản

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu thủy sản quý hiếm và sản phẩm của chúng đối với các hành vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thủy sản từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các hành vi khai thác quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thả số thủy sản quý hiếm còn sống trở lại môi trường sống của chúng; chuyển giao số thủy sản quý hiếm đã chết cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý đối với đối với các hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này;

b) Buộc thả bổ sung số thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo quy định đối với hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này;

c) Buộc bổ sung nội dung còn thiếu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này;

d) Buộc bàn giao loài thủy sản nguy cấp quý, hiếm cho cơ quan có thẩm quyền đối với hành vi quy định tại Khoản 5 Điều này.

Điều 10. Vi phạm về quản lý khu bảo tồn biển

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm hoạt động bị nghiêm cấm tại các khu bảo tồn biển như sau:

a) Canh tác nông, lâm, ngư nghiệp trái phép; những nghề thuộc danh mục nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản theo quy định Ban quản lý khu bảo tồn biển;

b) Xây dựng trái phép cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

c) Nuôi trồng thủy sản khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép;

d) Hoạt động không được phép thực hiện khác trong vùng đệm của khu bảo tồn biển.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm hoạt động bị nghiêm cấm tại phân khu dịch vụ hành chính như sau:

a) Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; khai thác thủy sản trong khu bảo tồn biển bằng nghề, ngư cụ nằm trong danh mục nghề, ngư cụ cấm khai thác thủy sản theo quy định Ban quản lý khu bảo tồn biển;

b) Nuôi trồng thủy sản khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép;

c) Các hoạt động dịch vụ, du lịch sinh thái trái phép;

d) Tàu cá, tàu biển và các loại phương tiện thủy khác dừng và thả neo, trù trường hợp bất khả kháng;

đ) Xây dựng trái phép các công trình hạ tầng phục vụ hoạt động của Ban quản lý, công trình phục vụ du lịch sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

e) Hoạt động không được phép thực hiện khác tại phân khu dịch vụ - hành chính.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm hoạt động bị nghiêm cấm tại phân khu phục hồi sinh thái như sau:

a) Nghiên cứu khoa học khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Sử dụng các phương tiện thủy có lắp động cơ để quan sát đáy biển;

c) Tàu chở người thăm quan du lịch dừng, thả neo không theo hướng dẫn và quy định của Ban quản lý khu bảo tồn biển;

d) Tàu cá, tàu biển và các loại phương tiện thủy khác dừng và thả neo, trừ trường hợp bất khả kháng ;

đ) Hoạt động không được phép thực hiện khác trong phân khu phục hồi sinh thái.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm hoạt động bị nghiêm cấm xảy ra tại phân khu bảo vệ nghiêm ngặt như sau:

a) Thả phao đánh dấu ranh giới trên biển trái phép;

b) Nghiên cứu khoa học khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Hoạt động không được phép thực hiện khác trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu phương tiện (trừ tàu cá), ngư cụ, dụng cụ khai thác thủy sản và sản phẩm khai thác đối với hành vi tại điểm a Khoản 1; điểm a Khoản 2, điểm a Khoản 3, điểm a Khoản 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng và giấy phép khai thác thủy sản trong thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với các trường hợp có tàu cá vi phạm;

c) Đình chỉ hoạt động nuôi trồng thủy sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a Khoản 1; điểm b Khoản 2 Điều này;

d) Đình chỉ hoạt động xây dựng công trình hạ tầng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm b Khoản 1; điểm đ Khoản 2, điểm đ Khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc di chuyển lồng, bè nuôi trồng thủy sản ra khỏi phạm vi khu bảo tồn biển đối với hành vi quy định tại điểm a Khoản 1; điểm b Khoản 2, điểm đ Khoản 3 và điểm c Khoản 4 Điều này;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại điểm b Khoản 1; điểm đ Khoản 2, điểm đ Khoản 3 và điểm c Khoản 4 Điều này.

MỤC 2

VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ GIỐNG THỦY SẢN

Điều 11. Vi phạm về quản lý giống thủy sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy theo quy định đối với lô hàng có giá trị dưới 50.000.000 đồng;

2. Mức phạt đối với hành vi chất lượng không phù hợp tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với lô hàng có giá trị dưới 50.000.000 đồng:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi chỉ tiêu chất lượng giống thủy sản;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi về chỉ tiêu an toàn.

3. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, ương dưỡng, nhập khẩu giống thủy sản không thuộc Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam hoặc không được cơ quan có thẩm quyền cho phép mà tổng giá trị hàng hóa vi phạm dưới 200.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 100.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau:

a) Vi phạm thời hạn sử dụng giống thủy sản bố mẹ;

b) Không kiểm tra xét nghiệm các bệnh trước khi cho sinh sản đối với giống thủy sản bố mẹ chủ lực.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động sản xuất, ương dưỡng, nhập khẩu giống thủy sản từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này.

b) Đình chỉ hoạt động sản xuất, ương dưỡng, sản xuất giống thủy sản bố mẹ từ 1 đến 3 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi giống thủy sản đối với hành vi quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này.

b) Buộc tiêu hủy giống thủy sản đối với hành vi quy định tại điểm b Khoản 2, 3 và Khoản 4 Điều này.

Điều 12. Vi phạm về điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản

1. Mức phạt đối với hành vi vi phạm sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất giống thủy sản bố mẹ.

2. Mức phạt đối với hành vi sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản không đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không có nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản hoặc sinh học;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ sản xuất phù hợp với loài thủy sản;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không có nơi cách ly theo dõi sức khỏe giống thủy sản mới nhập;

đ) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất giống thủy sản bố mẹ không có giống thủy sản thuần chủng hoặc giống thủy sản chưa được công nhận thông qua khảo nghiệm hoặc kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ chưa được công nhận hoặc chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này cho đến khi khắc phục được các điều kiện bị thiếu.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy hoặc chuyển mục đích sử dụng giống thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều này.

Điều 13. Vi phạm về nhập khẩu, xuất khẩu giống thủy sản

1. Mức phạt đối với hành vi nhập khẩu giống thủy sản không đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu giống thủy sản không thực hiện kiểm tra chất lượng.

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam;

c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu trái phép giống thủy sản có tên trong Danh mục loài thủy sản cấm xuất khẩu hoặc Danh mục loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện mà không đáp ứng điều kiện;

2. Biện pháp xử phạt bổ sung

Tịch thu giống thủy sản quy định tại điểm b, c Khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thực hiện kiểm tra chất lượng giống thủy sản trước khi sản xuất đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Buộc tiêu hủy giống giống thủy sản đối với hành vi quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 14. Vi phạm về khảo nghiệm giống thủy sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cơ sở khảo nghiệm không đáp ứng một trong các điều kiện sau trong quá trình khảo nghiệm:

a) Không đủ nhân viên kỹ thuật;

b) Không có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với loài thủy sản khảo nghiệm;

c) Không đáp ứng điều kiện về an toàn sinh học, bảo vệ môi trường.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện khảo nghiệm không đúng nội dung theo đề cương đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi công bố kết quả khảo nghiệm không trung thực.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1,2,3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện lại theo đúng nội dung đề cương đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Buộc cải chính kết quả khảo nghiệm đối với hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 15. Vi phạm về vận chuyển, nhãn hàng hóa giống thủy sản

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán, vận chuyển, thu gom, lưu giữ giống thủy sản không có nhãn hàng hóa theo quy định; ghi nhãn không theo tiêu chuẩn công bố áp dụng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi mua, bán, vận chuyển, thu gom, lưu giữ giống thủy sản không có hồ sơ nguồn gốc.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng giống thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 16. Vi phạm về giấy chứng nhận, văn bản cho phép, giấy phép về giống thủy sản

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Cho người khác sử dụng chứng chỉ chuyên môn về giống thủy sản;

b) Thuê, mượn chứng chỉ chuyên môn về giống thủy sản

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung các loại giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

b) Giấy chứng nhận chất lượng; giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu giống thủy sản.

c) Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm, kiểm định giống thủy sản.

d) Quyết định công nhận giống thủy sản mới.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Buộc thu hồi giấy chứng nhận, văn bản cho phép, giấy phép về giống thủy sản đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

MỤC 3

CÁC VI PHẠM VỀ THỨC ĂN THỦY SẢN, SẢN PHẨM XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 17. Vi phạm về quản lý thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản mà không gửi thông tin đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sản xuất sản phẩm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản từ 1 đến 3 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

Điều 18. Vi phạm về điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Mức phạt đối với hành vi sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản không đáp ứng các điều kiện sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không có nhân viên kỹ thuật được đào tạo về nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học, hóa học hoặc công nghệ thực phẩm;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không áp dụng hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn sinh học;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không có điều kiện phân tích chất lượng trong quá trình sản xuất;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi khu sản xuất không có tường, rào ngăn cách với bên ngoài;

đ) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không đủ nhà xưởng, trang thiết bị phù hợp với từng loại sản phẩm.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại điểm đ Khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 19. Vi phạm về chất lượng trong sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi thủy sản

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa dưới 5% so với

tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa hoặc mỗi chỉ tiêu an toàn vượt quá dưới 5% so với quy định trong quy chuẩn tương ứng hoặc trong tiêu chuẩn đã công bố.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lưu mẫu, không lưu kết quả kiểm nghiệm theo quy trình kiểm soát chất lượng.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có quy trình sản xuất kiểm soát chất lượng sản phẩm; không ghi và lưu nhật ký quá trình sản xuất theo quy định.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% đến dưới 15% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 15% đến dưới 30% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 30% trở lên so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

7. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong những hành vi vi phạm sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi thủy sản như sau:

a) Có mỗi chỉ tiêu vi sinh vật gây hại vượt ngưỡng tối đa quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc trong tiêu chuẩn đã công bố;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chất gây mất an toàn cao hơn mức tối đa từ 5% trở lên so với quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc trong tiêu chuẩn đã công bố.

8. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% đến dưới 10% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

9. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 10% đến dưới 20% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

10. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi thủy sản có hàm

lượng định lượng mỗi chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 20% đến dưới 30% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

11. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 30% trở lên so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

12. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với cơ sở có hành vi tiếp tục sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi thủy sản trong thời gian cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi thủy sản.

13. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tái chế lô sản phẩm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10, Khoản 11 Điều này. Trường hợp lô sản phẩm không thể tái chế được thì buộc chuyển đổi mục đích sử dụng. Trường hợp lô sản phẩm không thể chuyển đổi mục đích sử dụng được thì buộc tiêu hủy;

b) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng nếu lô sản phẩm đáp ứng quy định của mục đích chuyển đổi đối với hành vi quy định tại Khoản 4, Khoản 12 Điều này. Trường hợp lô sản phẩm không chuyển đổi được mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy.

Điều 20. Vi phạm về điều kiện cơ sở mua bán, nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi về điều kiện cơ sở mua bán nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản không có thiết bị, dụng cụ để bảo quản thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản theo hướng dẫn của nhà sản xuất, nhà cung cấp;

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi để chung thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản với thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hoặc các loại hóa chất độc hại khác đối với cơ sở mua bán thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không đáp ứng các yêu cầu về điều kiện bảo quản đảm bảo chất lượng hàng hóa, bảo vệ môi trường và theo khuyến cáo của nhà sản xuất đối với cơ sở nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động cơ sở mua bán, nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi tại Khoản 1, 3 Điều này.

Điều 21. Vi phạm về chất lượng trong mua bán thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường thủy sản

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa dưới 5% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa hoặc mỗi chỉ tiêu an toàn vượt quá dưới 5% so với quy định trong quy chuẩn tương ứng hoặc trong tiêu chuẩn đã công bố.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% đến dưới 15% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 15% đến dưới 30% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 30% trở lên so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường thủy sản như sau:

a) Có mỗi chỉ tiêu vi sinh vật gây hại vượt ngưỡng cho phép quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc tiêu chuẩn đã công bố;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chất gây mất an toàn cao hơn mức tối đa từ 5% trở lên so với quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc trong tiêu chuẩn đã công bố.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại *thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường thủy sản* có hàm lượng định lượng mỗi chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% đến dưới 10% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại *thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường thủy sản* có hàm lượng định lượng mỗi chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 10% đến dưới 20% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

8. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại *thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường thủy sản* có hàm lượng định lượng mỗi chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 20% đến dưới 30% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

9. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại *thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường thủy sản* có hàm

lượng định lượng mỗi chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 30% trở lên so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

10. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có thành phần không có tên trong Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, nguyên liệu sản xuất thức ăn được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam mà tổng giá trị lô sản phẩm từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ Điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi và tái chế lô sản phẩm đối với hành vi quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9 Điều này. Trường hợp lô sản phẩm không thể tái chế thì buộc chuyển đổi mục đích sử dụng. Trường hợp lô sản phẩm không thể tái chế, chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy.

Điều 22. Vi phạm về chất lượng trong nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nhập khẩu mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa dưới 5% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa hoặc mỗi chỉ tiêu an toàn vượt quá dưới 5% so với quy định trong quy chuẩn tương ứng hoặc trong tiêu chuẩn đã công bố.

2. Phạt từ tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải là chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% đến dưới 30% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

3. Phạt từ tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất lượng không phải là chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 30% trở lên so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

4. Phạt từ tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất chính thấp hơn mức tối thiểu hoặc cao hơn mức tối đa từ 5% đến dưới 30% so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

5. Phạt từ tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu chất chính thấp hơn mức tối thiểu

hoặc cao hơn mức tối đa từ 30% trở lên so với tiêu chuẩn đã công bố hoặc ghi trên nhãn hàng hóa.

6. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi vi phạm nhập khẩu mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản sau đây:

a) Có mỗi chỉ tiêu vi sinh vật vượt ngưỡng cho phép quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc trong tiêu chuẩn đã công bố;

b) Có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu an toàn cao hơn mức tối đa từ 5% đến dưới 30% so với quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc trong tiêu chuẩn đã công bố.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có hàm lượng định lượng mỗi chỉ tiêu an toàn cao hơn mức tối đa từ 30% trở lên so với quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc trong tiêu chuẩn đã công bố.

8. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong những hành vi về nhập khẩu sau đây:

a) Hành vi nhập khẩu mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam (trừ trường hợp nhập khẩu để giới thiệu tại các hội chợ, triển lãm hoặc nghiên cứu, làm mẫu phân tích, nhập khẩu để sản xuất, gia công nhằm Mục đích xuất khẩu);

b) Hành vi vi phạm nhập khẩu mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hết hạn sử dụng.

9. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có thành phần không có tên trong Danh mục hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, nguyên liệu sản xuất thức ăn được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam mà tổng giá trị lô sản phẩm từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc sửa đổi thông tin chất lượng trên nhãn hàng hóa hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo lô thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đối với hành vi quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều này;

b) Buộc tái chế toàn bộ lô thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc đảm bảo chất lượng như tiêu chuẩn đã công bố đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 5, Khoản 6 Điều này. Trường hợp sản phẩm không thể tái chế thì buộc chuyển đổi mục đích sử dụng. Trường hợp sản phẩm không thể tái chế, chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tái xuất hoặc tiêu hủy;

c) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng lô thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản vi phạm đối với hành vi quy định tại Khoản 7 Điều này. Trường hợp không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tái xuất hoặc tiêu hủy;

d) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy toàn bộ lô thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản vi phạm đối với hành vi quy định tại Khoản 8 Điều này.

Điều 23. Vi phạm về sản xuất, mua bán sản phẩm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hết hạn sử dụng

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc bao bì hàng hóa có giá trị dưới 1.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc bao bì hàng hóa có giá trị từ 1.000.000 đồng đến dưới 2.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc bao bì hàng hóa có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 3.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc bao bì hàng hóa có giá trị từ 3.000.000 đồng đến dưới 5.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc bao bì hàng hóa có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng.

6. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc bao bì hàng hóa có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng.

7. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc bao bì hàng hóa có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng.

8. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc bao bì hàng hóa có giá trị từ 30.000.000 đồng đến dưới 40.000.000 đồng.

9. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng

thủy sản hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc bao bì hàng hóa có giá trị từ 40.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

10. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc bao bì hàng hóa có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng.

11. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc bao bì hàng hóa có giá trị từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

12. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hết hạn sử dụng ghi trên nhãn hoặc bao bì hàng hóa có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên.

13. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không ghi hoặc không ghi đúng ngày sản xuất trên nhãn hàng hóa hay trên bao bì hàng hóa trong sản xuất, mua bán mỗi loại thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

14. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất có sử dụng mỗi loại nguyên liệu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản hoặc mỗi sản phẩm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đã hết hạn sử dụng.

15. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hồi và chuyển đổi mục đích sử dụng lô thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản vi phạm đối với hành vi quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9, Khoản 10, Khoản 11, Khoản 12 Điều này. Trường hợp lô sản phẩm không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy.

b) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng nếu lô thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đáp ứng quy định của mục đích chuyển đổi đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 14 Điều này. Trường hợp sản phẩm không thể chuyển đổi mục đích sử dụng thì buộc tiêu hủy toàn bộ nguyên liệu hết hạn sử dụng và lô thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản được sản xuất từ nguyên liệu hết hạn sử dụng.

Điều 23. Vi phạm về hóa chất, chế phẩm sinh học, vi sinh vật trong danh mục cấm sử dụng trong thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền đối với các hành vi vi phạm về chất cấm sau đây:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng mỗi chất cấm trong nuôi trồng thủy sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng mỗi chất cấm trong sản xuất và mua bán, nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản

phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản mà tổng giá trị các sản phẩm thức ăn vi phạm dưới 100.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 50.000.000 đồng;

c) Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng mỗi chất cấm trong nuôi trồng thủy sản đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ Điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính;

d) Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng mỗi chất cấm trong sản xuất và mua bán, nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản mà tổng giá trị các sản phẩm thức ăn vi phạm từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng trở lên khi cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động sản xuất mua bán, nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có chứa chất cấm từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm d Khoản 2 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy chất cấm và thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản có chứa chất cấm đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc cơ sở nuôi trồng thủy sản tiếp tục nuôi thủy sản đã sử dụng chất cấm đến khi kiểm tra không còn tồn dư chất cấm mới được phép thu hoạch đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm c Khoản 1 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy thủy sản trong trường hợp tái phạm sử dụng chất cấm hoặc không thể tiếp tục nuôi giữ.

Điều 24. Vi phạm về khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cơ sở khảo nghiệm không đáp ứng một trong các điều kiện sau trong quá trình khảo nghiệm:

a) Không đủ nhân viên kỹ thuật;

b) Không có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc khảo nghiệm thức ăn, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;

c) Không đáp ứng đủ điều kiện về an toàn sinh học, bảo vệ môi trường

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện khảo nghiệm không đúng nội dung theo đề cương đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi công bố kết quả khảo nghiệm không trung thực.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khảo nghiệm của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 2,3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện lại theo đúng nội dung đề cương đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này.

b) Buộc cải chính kết quả khảo nghiệm đối với hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 25. Vi phạm về giấy chứng nhận, văn bản cho phép, giấy phép về thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung các loại giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất.

b) Giấy xác nhận chất lượng; giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

c) Quyết định phê duyệt đề cương khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

d) Quyết định công nhận thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản được phép sử dụng trong nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Buộc thu hồi các loại giấy tờ đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này.

Mục 4

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 26. Vi phạm các quy định về điều kiện nuôi trồng thủy sản

1. Mức phạt đối với hành vi vi phạm điều kiện cơ sở nuôi trồng thủy sản:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký đối với hình thức nuôi trồng thủy sản lồng bè và đối tượng thủy sản nuôi chủ lực.

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cơ sở nuôi trồng thủy sản không tuân thủ quy định về sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật.

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật không phù hợp với đối tượng và hình thức nuôi.

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không đáp ứng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thú y thủy sản và an toàn lao động.

đ) Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm (không áp dụng đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản dùng làm cảnh, giải trí, mỹ nghệ, mỹ phẩm).

e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi nuôi trồng thủy sản trên biển không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép

nuôi trồng thủy sản, trừ đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 của Luật thủy sản năm 2017.

g) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nuôi các loài thủy sản không có tên trong Danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động nuôi trồng thủy từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi tại điểm g Khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc đăng ký nuôi trồng thủy sản đối với hành vi quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Buộc thu hoạch, di dời, tháo dỡ công trình vi phạm quy định tại điểm b, e Khoản 1 Điều này.

c) Buộc tiêu hủy loài thủy sản thuộc danh mục cấm nuôi trồng hoặc không có tên trong danh mục được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam đối với hành vi quy định tại điểm g Khoản 1 Điều này.

Điều 27. Vi phạm về nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, trồng cây nhân tạo loài thủy sản thuộc Phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm

1. Mức phạt đối với hành vi nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cây các loài thủy sản hoang dã có nguồn gốc hợp pháp nhưng không đăng ký trại nuôi như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký trại nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cây nhân tạo các loài thủy sản hoang dã quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam nhưng không quy định tại các phụ lục của Công ước CITES;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký trại nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cây nhân tạo các loài thủy sản hoang dã quy định tại Phụ lục II và III của Công ước CITES;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký trại nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cây nhân tạo các loài thủy sản hoang dã quy định tại Phụ lục I của Công ước CITES;

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cây các loài thủy sản từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thực hiện đăng ký nuôi sinh trưởng, sinh sản và trồng cây các loài thủy sản hoang dã

Điều 28. Vi phạm các quy định về sử dụng khu vực biển được giao không thu tiền sử dụng để nuôi trồng thủy sản

1. Mức phạt tiền đối với hành vi sử dụng vượt quá hạn mức khu vực biển được giao để nuôi trồng thủy sản như sau:

a) Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng nếu diện tích vượt quá đến dưới 01 ha;

b) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu diện tích vượt quá từ 01 ha đến dưới 02 ha;

c) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu diện tích vượt quá từ 02 ha trở lên.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản mà chưa được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc không đúng vị trí ghi trong quyết định giao khu vực biển được giao để nuôi trồng thủy sản.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sử dụng vượt quá hạn mức khu vực biển được giao để nuôi trồng thủy sản từ 1 đến 3 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hoạch thủy sản, tháo dỡ hoặc di chuyển lồng bè nuôi thủy sản, các mốc phân định ranh giới để trả lại khu vực biển bị sử dụng vượt quá hạn mức đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc thu hoạch thủy sản, tháo dỡ lồng, bè nuôi thủy sản để trả lại khu vực biển đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 29. Vi phạm các quy định về sử dụng khu vực biển được giao có thu tiền để nuôi trồng thủy sản

1. Mức phạt tiền đối với hành vi sử dụng vượt quá hạn mức khu vực biển được giao để nuôi trồng thủy sản như sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu diện tích vượt quá đến dưới 01 ha;

b) Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu diện tích vượt quá từ 01 ha đến dưới 02 ha;

c) Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu diện tích vượt quá từ 02 ha trở lên.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối hành vi sử dụng khu vực biển được giao để nuôi trồng thủy sản mà chưa được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc không đúng vị trí ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động sử dụng vượt quá hạn mức khu vực biển được giao để nuôi trồng thủy sản từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu hoạch thủy sản, tháo dỡ hoặc di chuyển lồng bè nuôi thủy sản, các mốc phân định ranh giới để trả lại khu vực biển bị sử dụng vượt quá hạn mức đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc thu hoạch thủy sản, tháo dỡ lồng, bè nuôi thủy sản để trả lại khu vực biển đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này.

Mục 5

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KHAI THÁC THỦY SẢN

Điều 30. Vi phạm về giấy phép khai thác

1. Mức phạt đối với hành vi khai thác thủy sản bằng tàu cá thuộc diện phải có giấy phép khai thác thủy sản mà không có giấy phép khai thác thủy sản hoặc giấy phép đã hết hạn như sau:

a) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 15 mét;

b) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

c) Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu thủy sản khai thác trong trường hợp vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng bằng /chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 31. Vi phạm về hạn ngạch khai thác thủy sản

1. Mức phạt đối với hành vi khai thác thủy sản vượt mức hạn ngạch cho phép được ghi trong Giấy phép:

a) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường hợp khai thác thủy sản vượt mức hạn ngạch cho phép từ 10% đến dưới 20%;

b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với trường hợp khai thác thủy sản vượt mức hạn ngạch cho phép từ 20% đến 30%;

c) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp khai thác thủy sản vượt mức hạn ngạch cho phép trên 30%;

2. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu thủy sản khai thác vượt quá hạn ngạch trong trường hợp vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 32. Vi phạm về vùng khai thác thủy sản

1. Mức phạt đối với hành vi hoạt động sai vùng khai thác như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét mà khai thác thủy sản tại vùng ven bờ của tỉnh khác;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét khai thác thủy sản tại vùng lồng, vùng khơi, vùng biển quốc tế;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 15 mét khai thác thủy sản tại vùng ven bờ, vùng khơi, vùng biển quốc tế;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên vào khai thác thủy sản tại vùng ven bờ, vùng lòng;

đ) Đối với tàu lưới kéo (giã cào) hoạt động sai vùng khai thác theo quy định thì áp dụng mức phạt tiền gấp ba lần mức phạt tiền tối đa của khung hình phạt theo quy định tại điểm a, b, c và d Khoản 5 Điều này tương ứng với tàu cá có chiều dài lớn nhất vi phạm.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu thủy sản khai thác trong trường hợp vi phạm hành chính quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thủy sản, bằng/chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều này.

Điều 33. Vi phạm quy định về sử dụng ngư cụ, thiết bị khai thác thủy sản

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vứt bỏ ngư cụ trái phép xuống vùng nước tự nhiên.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Sử dụng đèn chiếu sáng để khai thác thủy sản mà tổng công suất đèn vượt quá quy định của pháp luật;

b) Sử dụng lưới có kích thước mắt lưới nhỏ hơn quy định của pháp luật để khai thác thủy sản.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các loại ngư cụ hoặc thiết bị khai thác thủy sản tự chế hoặc được du nhập từ nước ngoài vào Việt Nam để khai thác thủy sản mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

4. Mức phạt tiền đối với hành vi tàng trữ, sử dụng ngư cụ hoặc thiết bị khai thác thủy sản khác bị cấm sử dụng theo quy định của pháp luật như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nếu hành vi xảy ra tại các vùng nước nội đồng;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu hành vi xảy ra trên biển.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu số bóng đèn tương ứng công suất vượt quá mức quy định đối với hành vi quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu bộ phận lưới có kích thước mắt lưới nhỏ hơn quy định đối với hành vi quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này;

c) Tịch thu ngư cụ hoặc thiết bị khai thác thủy sản khác bị cấm hoặc ngư cụ, thiết bị khai thác thủy sản du nhập từ nước ngoài chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép đối với hành vi quy định tại khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thủy sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều 34. Vi phạm quy định về sử dụng điện để khai thác thủy sản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng công cụ kích điện để khai thác thủy sản (trừ hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này và việc sử dụng kích điện tại ao nuôi để thu hoạch thủy sản).

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển, sử dụng công cụ kích điện trên tàu cá hoặc phương tiện nổi khác.

3. Mức phạt đối với hành vi sử dụng công cụ kích điện hoặc sử dụng trực tiếp điện từ máy phát điện trên tàu cá hoặc phương tiện nổi khác để khai thác thủy sản như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 15 mét;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên;

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng điện lưới để khai thác thủy sản.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật để khai thác thủy sản và sản phẩm thủy sản khai thác đối với các hành vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này.

b) Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thủy sản từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi sử dụng công cụ kích điện hoặc sử dụng trực tiếp điện từ máy phát điện trên tàu cá hoặc phương tiện nổi khác để khai thác thủy sản quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 35. Vi phạm các quy định về sử dụng chất độc, thực vật có độc tố để khai thác thủy sản

1. Mức phạt tiền đối với hành vi tàng trữ trái phép trên tàu cá hoặc phương tiện nổi khác chất độc, thực vật có độc tố để khai thác thủy sản như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ trái phép trên tàu cá hoặc phương tiện nổi khác chất độc, thực vật có độc tố để khai thác thủy sản xảy ra tại vùng nước nội đồng.

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ trái phép trên tàu cá hoặc phương tiện nổi khác chất độc, thực vật có độc tố để khai thác thủy sản xảy ra trên biển.

2. Mức phạt đối với hành vi sử dụng chất độc, thực vật có độc tố để khai thác thủy sản như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng chất độc, thực vật có độc tố để khai thác thủy sản tại vùng nước nội đồng.

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng chất độc, thực vật có độc tố để khai thác thủy sản trên biển.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác thủy sản từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tổ chức, cá nhân tiêu hủy chất độc, thực vật có độc tố và sản phẩm thủy sản khai thác đối với hành vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này;

b) Buộc tổ chức, cá nhân thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm do chất độc, thực vật có độc tố gây ra đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 36. Vi phạm quy định về ghi, nộp nhật ký khai thác thủy sản

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không ghi hoặc ghi không đầy đủ, không đúng, không nộp nhật ký khai thác thủy sản hoặc không báo cáo theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không có sổ nhật ký khai thác thủy sản theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản, bằng/chứng chỉ thuyền trưởng từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

Điều 37. Vi phạm quy định về đưa tàu cá, ngư dân đi khai thác thủy sản ở vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực

1. Phạt tiền từ 800.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với hành vi đưa tàu cá, ngư dân đi khai thác thủy sản trái phép ở vùng biển của quốc gia, vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc quyền quản lý của Tổ chức nghề cá khu vực.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản, bằng/chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng từ 06 đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm lần đầu tại Khoản 1 Điều này;

b) Thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản, bằng/chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng đối với hành vi vi phạm lần thứ hai tại Khoản 1 Điều này;

c) Tịch thu thủy sản khai thác trong trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

d) Đưa tên tàu cá vào danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp trong trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc chủ tàu cá chi trả toàn bộ kinh phí đưa ngư dân bị cơ quan có thẩm quyền nước ngoài bắt giữ về nước đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 38. Vi phạm quy định về hoạt động thủy sản của tổ chức, cá nhân nước ngoài có tàu hoạt động trong vùng biển Việt Nam

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cập cảng không đúng với cảng đã đăng ký (trừ trường hợp bất khả kháng);

b) Không mang theo đầy đủ các giấy tờ (bản chính hoặc bản sao chứng thực) theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Đưa tàu vào hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam nhưng không thông báo cho cơ quan thẩm quyền của Việt Nam;

d) Không có sổ nhật ký khai thác hoặc không ghi nhật ký khai thác, ghi không đầy đủ hoặc không thực hiện chế độ báo cáo khai thác hoặc không báo cáo hoạt động của tàu cá theo quy định của pháp luật Việt Nam;

đ) Không tiếp nhận giám sát viên hoặc trả giám sát viên không đúng địa điểm được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc không bảo đảm điều kiện làm việc, sinh hoạt cho giám sát viên Việt Nam theo quy định;

e) Không treo cờ hoặc treo cờ không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi: Hoạt động sai nội dung ghi trong giấy phép.

3. Phạt tiền từ 800.000.000 đến 1.000.000.000 đồng với hành vi khai thác thủy sản trong vùng biển Việt Nam mà không có giấy phép hoặc giấy phép hết hạn hoạt động thủy sản.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động thủy sản từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu tàu cá, tịch thu thủy sản khai thác trái phép, trục xuất thuyền viên nước ngoài rời khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 39. Vi phạm quy định về chuyển tải hoặc hỗ trợ cho tàu cá đã được xác định có hành vi khai thác bất hợp pháp

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi chuyển tải hoặc hỗ trợ cho tàu cá đã được xác định có hành vi khai thác bất hợp pháp.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản, bằng/chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng từ 06 đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm lần đầu tại Khoản 1 Điều này;

b) Thu hồi Giấy phép khai thác thủy sản, bằng/chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng đối với hành vi vi phạm lần thứ hai tại Khoản 1 Điều này;

c) Tịch thu thủy sản khai thác trong trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

d) Đưa tên tàu cá vào danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp trong trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 40. Vi phạm quy định về treo Cờ

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi treo Cờ Việt Nam trong hoạt động thủy sản không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi treo Cờ không đúng với Cờ của quốc gia mà tàu mang quốc tịch hoặc được sự cho phép của tổ chức nghề cá khu vực.

Mục 6

**VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀU CÁ VÀ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ**

Điều 41. Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với chủ tàu cá không trang bị hoặc trang bị không đầy đủ trang thiết bị bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá khi hoạt động khai thác thủy sản theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với chủ tàu cá không có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hoặc Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đã hết hạn khi hoạt động khai thác thủy sản theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy phép khai thác thủy sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 42. Vi phạm các quy định quản lý trang thiết bị cứu sinh, thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị giám sát trên tàu cá

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị đầy đủ thiết bị cứu sinh trên tàu cá theo quy định;

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không trang bị thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị giám sát tàu cá theo quy định.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tắt thiết bị giám sát tàu cá khi tàu cá thuộc diện bắt buộc phải lắp thiết bị giám sát đang hoạt động thủy sản trên biển đối với tàu cá từ 15 mét đến dưới 24 mét.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi tắt thiết bị giám sát, định vị vệ tinh tàu cá khi tàu cá thuộc diện bắt buộc phải lắp thiết bị giám sát đang hoạt động thủy sản trên biển đối với tàu cá từ 24 mét trở lên.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động khai thác thủy sản đối với hành vi quy định tại Khoản 3, 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trang bị đầy đủ thiết bị cứu sinh, thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị giám sát hoạt động tàu cá theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này

b) Buộc khôi phục tình trạng hoạt động của thiết bị giám sát tàu cá, định vị vệ tinh đối với hành vi tắt thiết bị giám sát, định vị vệ tinh tàu cá khi đang hoạt động thủy sản quy định Khoản 3, 4 Điều này.

Điều 43. Vi phạm quy định về giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không mang theo tàu cá bản chính hoặc bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá khi tàu cá đang hoạt động.

2. Mức phạt đối với hành vi không có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hoặc sử dụng giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đã quá hạn không quá 30 ngày khi hoạt động thủy sản như sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

3. Mức phạt đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá tẩy xóa, sửa chữa nội dung như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với trường hợp sử dụng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước giấy phép khai thủy sản từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi được quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá đối với hành vi được quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

5. Hình thức khắc phục hậu quả:

Buộc chủ tàu cá đưa tàu cá vào đăng kiểm theo quy định.

Điều 44. Vi phạm quy định về đánh dấu tàu cá, đánh dấu ngư cụ đang sử dụng tại ngư trường

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi đánh dấu nhận biết tàu cá, đánh dấu ngư cụ đang sử dụng tại ngư trường sai quy định của pháp luật; không đánh dấu ngư cụ đang sử dụng tại ngư trường.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không đánh dấu nhận biết tàu cá theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Vi phạm quy định về đăng ký tàu cá

1. Mức phạt đối với một trong các hành vi không viết số đăng ký tàu cá; viết số đăng ký tàu cá không đúng quy định hoặc không mang theo bản chính hoặc bản sao giấy chứng nhận đăng ký tàu cá khi tàu cá đang hoạt động như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 15 mét;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

2. Mức phạt đối với hành vi không khai báo hoặc không đăng ký tàu cá hoặc không đăng ký lại tàu cá theo quy định như sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

3. Mức phạt đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc giấy xác nhận đăng ký tàu cá tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc sử dụng biển số không đúng với số đăng ký ghi trong giấy đăng ký, biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu giấy chứng nhận đăng ký tàu cá quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Tước giấy phép khai thác từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc xóa số đăng ký tàu cá đối với hành vi sử dụng biển số, số đăng ký tàu cá quy định tại Khoản 3 Điều này;

Điều 46. Vi phạm quy định về nhập khẩu tàu cá (không áp dụng đối với trường hợp tàu cá do Chính phủ, tổ chức, cá nhân nước ngoài viện trợ cho Việt Nam)

1. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Nhập khẩu tàu cá không đúng vật liệu vỏ tàu;
- b) Nhập khẩu tàu cá không đúng chiều dài lớn nhất của tàu theo quy định;
- c) Nhập khẩu tàu cá không đúng với tuổi tàu, tuổi máy chính của tàu theo quy định;

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu tàu cá không có nguồn gốc hợp pháp.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tàu cá đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tái xuất tàu cá đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 47. Vi phạm quy định về quản lý thuyền viên tàu cá

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi thuyền viên và người làm việc trên tàu cá không mang theo người giấy tờ tùy thân.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thuyền viên làm việc trên tàu cá không có tên hoặc không đúng tên ghi trong sổ danh bạ thuyền viên.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không có văn bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên theo quy định hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không có Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo quy định của pháp luật.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không mua bảo hiểm thuyền viên cho mỗi thuyền viên làm việc trên tàu cá theo quy định của pháp luật.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng thuyền viên đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Mục 7

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH NGHỀ DỊCH VỤ THỦY SẢN

Điều 48. Vi phạm quy định về điều kiện cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không đủ điều kiện cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá theo quy định.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá từ 03 đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm tại Khoản 1 Điều này;

b) Thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá đối với hành vi vi phạm tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp tái phạm;

c) Công bố công khai tên, địa chỉ cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này trên phương tiện thông tin đại chúng;

d) Đình chỉ hoạt động cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 49. Vi phạm quy định khác về đóng mới, cải hoán tàu cá

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi đóng mới, cải hoán tàu cá không đúng với thiết kế được tổ chức đăng kiểm thẩm định, phê duyệt.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi đóng mới, cải hoán tàu cá không có văn bản chấp thuận theo quy định phải có văn bản chấp thuận.

3. Biện pháp xử phạt bổ sung:

Đình chỉ việc tiếp tục đóng mới, cải hoán tàu cá đối với hành vi quy định tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc điều chỉnh theo đúng thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này

b) Buộc tháo dỡ tàu cá đóng mới, cải hoán hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này.

Điều 50. Vi phạm quy định về điều kiện cơ sở đăng kiểm tàu cá

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không đủ điều kiện cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá theo quy định.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá từ 03 đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm tại Khoản 1 Điều này;

b) Thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá đối với hành vi vi phạm tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp tái phạm;

c) Công bố công khai tên, địa chỉ cơ sở đăng kiểm tàu cá vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này trên phương tiện thông tin đại chúng;

d) Đình chỉ hoạt động cơ sở đăng kiểm tàu cá vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 51. Vi phạm quy định về thực hiện giám sát kỹ thuật tàu cá đóng mới, cải hoán

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá tổ chức, thực hiện giám sát kỹ thuật tàu cá đóng mới, cải hoán không theo quy định.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá đối với hành vi vi phạm tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp tái phạm;

b) Thu hồi thẻ đăng kiểm viên, dấu nghiệp vụ đăng kiểm viên, biển hiệu đăng kiểm viên tàu cá đối với hành vi vi phạm tại Khoản 1 Điều này trong trường hợp tái phạm;

c) Công bố công khai tên, địa chỉ cơ sở đăng kiểm tàu cá vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này trên phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 52. Vi phạm các quy định về kinh doanh trang thiết bị cứu sinh phục vụ hoạt động thủy sản

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh các trang thiết bị cứu sinh phục vụ hoạt động thủy sản chưa được đăng kiểm hoặc quá hạn sử dụng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không đăng kiểm thiết bị cứu sinh phục vụ hoạt động thủy sản trước khi xuất bán.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu trang thiết bị cứu sinh phục vụ hoạt động thủy sản quá hạn sử dụng đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy trang thiết bị cứu sinh quá hạn đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 53. Vi phạm các quy định hoạt động cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão tàu cá

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển tàu cá và phương tiện khác gây hại đến công trình cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xả chất thải, nước thải không đúng nơi quy định tại khu vực cảng cá, vùng nước cảng, vùng nước khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sau:

a) Phá hủy, tháo dỡ, gây hư hại các công trình, trang thiết bị của cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu;

b) Không có trang thiết bị cứu sinh, cứu hỏa theo quy định tại cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi lấn chiếm phạm vi bảo vệ công trình cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này;

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thu gom dầu thải, chất bẩn, chất độc, chất có hại, nước thải bẩn, vớt bỏ phế thải không đúng nơi quy định đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này;

c) Buộc trả lại diện tích đã lấn chiếm đối với hành vi quy định tại Khoản 4 Điều này.

Mục 8

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THU GOM, SƠ CHẾ, CHẾ BIẾN, BẢO QUẢN, VẬN CHUYỂN THỦY SẢN

Điều 54. Vi phạm quy định về thu gom, sơ chế, bảo quản, vận chuyển thủy sản

1. Mức phạt tiền đối với hành vi thu gom, sơ chế, bảo quản, vận chuyển các loài thủy sản trong danh mục cấm khai thác, thời gian cấm khai thác theo quy định của pháp luật như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản dưới 20 kg;

b) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 20 kg đến dưới 50 kg;

c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 50 kg đến dưới 100 kg;

d) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 100 kg đến dưới 200 kg.

đ) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 200 kg trở lên.

2. Mức phạt tiền đối với hành vi vận chuyển, nhập khẩu thủy sản không có nguồn gốc xuất xứ hoặc vi phạm về khai thác IUU.

a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản dưới 50 kg;

b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 50 kg đến dưới 100 kg;

c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 100 kg trở lên.

d) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 100 kg đến dưới 200 kg.

đ) Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng nếu khối lượng thủy sản từ 200 kg trở lên;

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi thu gom, sơ chế, bảo quản, vận chuyển thủy sản không có nguồn gốc theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tổ chức, cá nhân tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trong trường hợp lấy mẫu lô hàng để xét nghiệm phát hiện chỉ tiêu không đảm bảo an toàn thực phẩm;

b) Buộc tổ chức, cá nhân chuyển đổi mục đích sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đối với hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này trong trường hợp lấy mẫu lô hàng để xét nghiệm có chỉ tiêu đảm bảo an toàn thực phẩm;

c) Buộc tổ chức, cá nhân thả số thủy sản còn sống khai thác trái quy định về môi trường tự nhiên đối với hành vi quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 55. Vi phạm quy định về tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh đối với thủy sản có nguồn gốc từ khai thác

1. Mức xử lý vi phạm về tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh đối với thủy sản có nguồn gốc từ khai thác bất hợp pháp:

a) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với lô hàng dưới 500kg.

b) Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với lô hàng từ 500kg đến 1000kg.

c) Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với lô hàng từ 1000kg đến 2000kg.

d) Phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với lô hàng trên 2000kg.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu lô hàng đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 56. Vi phạm quy định về chế biến thủy sản

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cán bộ, nhân viên kỹ thuật trong các cơ sở chế biến thủy sản không đảm bảo các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn theo quy định của pháp luật;

b) Cơ sở chế biến không đáp ứng các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ....

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chế biến mỗi lô thủy sản không có xác nhận hoặc chứng nhận nguồn gốc theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chế biến các loài thủy sản trong danh mục cấm khai thác theo quy định.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng cơ sở chế biến thủy sản không theo quy hoạch hoặc không được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động chế biến thủy sản từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy thủy sản không có xác nhận hoặc chứng nhận nguồn gốc, thủy sản có trong danh mục cấm khai thác đối với hành vi quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

b) Buộc tháo dỡ cơ sở chế biến thủy sản đối với hành vi quy định tại Khoản 4 Điều này.

Mục 9

CẢN TRỞ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THỦY SẢN

Điều 57. Vi phạm cản trở hoạt động quản lý nhà nước về thủy sản

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cản trở công tác điều tra, thăm dò nguồn lợi thủy sản; bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thu thập số liệu về hoạt động thủy sản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN

Điều 58. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Công chức, viên chức, người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân trong các cơ quan được quy định tại Điều 62, 63, 64 của Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao về quản lý hoạt động thủy sản.

Điều 59. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền quy định tại điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng trong lĩnh vực giống thủy sản; 50.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; 100.000.000 đồng trong lĩnh vực khai thác thủy sản;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực giống thủy sản; 100.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; 1.000.000.000 đồng trong lĩnh vực khai thác thủy sản;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 60. Thẩm quyền thanh tra

1. Thanh tra viên chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại Điểm b Khoản này;

2. Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng Chi cục thủy sản có chức năng quản lý chuyên ngành về thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Tổng cục Thủy sản, Cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản; trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành về thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến đến 25.000.000 đồng trong lĩnh vực giống thủy sản; 50.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; 100.000.000 đồng trong lĩnh vực khai thác thủy sản;

c) Đình chỉ hoạt động thủy sản có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền được quy định tại Điểm b khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, e, h, i, k, l, m, n, o, u khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành thủy sản Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến đến 35.000.000 đồng trong lĩnh vực giống thủy sản; 70.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; 100.000.000 đồng trong lĩnh vực khai thác thủy sản;

c) Đình chỉ hoạt động thủy sản có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền được quy định tại Điểm b khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, e, h, i, k, l, m, n, o, u Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực giống thủy sản; 100.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; 1.000.000.000 đồng trong lĩnh vực khai thác thủy sản;

c) Đình chỉ hoạt động thủy sản có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 61. Thẩm quyền của Kiểm ngư

1. Kiểm ngư viên đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm b Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư Vùng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động thủy sản có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, g, h, i Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Cục trưởng Cục Kiểm ngư có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền 70.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động thủy sản có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, g, h, i Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 62. Thẩm quyền của Cảnh sát biển

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, g, h, i Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, g, h, i Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, g, h, i Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

7. Tư lệnh Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000.000 đồng;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, g, h, i khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 63. Thẩm quyền của Bộ đội Biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại Khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, i khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, h khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 64. Thẩm quyền của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại Khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định áp dụng hình thức xử phạt trực xuất;

e) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, k, l, m, o khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát đường thủy có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 65. Thẩm quyền của Hải quan

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng thuộc Chi cục Hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội thủ tục Hải quan, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b Khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm l, m, o Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại l, m, o Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực giống thủy sản; 100.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm l, m, o Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 66. Thẩm quyền của Quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b Khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại l, m, o, u Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả, Trưởng phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm l, m, o, u Khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

4. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng trong lĩnh vực giống thủy sản; 100.000.000 đồng trong lĩnh vực thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm l, m, o, u Khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 67. Phân định thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan Thanh tra, cơ quan Hải quan, cơ quan Quản lý thị trường, Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt hành chính, áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 59 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Thanh tra có thẩm quyền xử phạt hành chính, áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 60 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Kiểm ngư có thẩm quyền xử phạt hành chính, áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 61 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt hành chính, áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 64 Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống thủy sản; thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản quy định tại Khoảncủa Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống thủy sản; thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản quy định tại của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

6. Người có thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng và Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống thủy sản; thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản quy định tại Khoản của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 68. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính

1. Trong trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản có quyền tạm giữ giấy tờ có liên quan đến phương tiện, chứng chỉ chuyên môn cho đến khi cá nhân, tổ chức chấp hành xong quyết định xử phạt. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm không có những giấy tờ nói trên, thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân vi phạm đưa phương tiện về bờ hoặc trụ sở cơ quan để giải quyết hoặc tạm giữ tang vật, phương tiện theo thẩm quyền.

Trong trường hợp vi phạm mà theo Nghị định này quy định hình thức xử phạt bổ sung tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân vi phạm đưa phương tiện về bờ hoặc trụ sở cơ quan để giải quyết hoặc tạm giữ tang vật phương tiện theo thẩm quyền.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và đảm bảo việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động thủy sản được thực hiện theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 69. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, thay thế Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Bãi bỏ ĐiềuNghị định số 64/2018/NĐ-CP ngày 7/5/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Điều 70. Quy định chuyển tiếp

1. Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản quy định tại Nghị định này có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính được áp dụng đối với hành vi xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc cá nhân bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 103/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; Nghị định số 41/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản để giải quyết; Nghị định số 64/2018/NĐ-CP ngày 7/5/2018 của Chính

phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Điều 71. Trách nhiệm hướng dẫn thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc